



BÃO CÃO TÓM TẮT

HƯỞNG TỚI CHÍNH SÁCH THUẾ BỀN VỮNG TRONG KHỐI ASEAN:

TRƯỜNG HỢP ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

25 Tháng 6, 2020



VEPR

Thành viên
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

VATU

PRAKARSA
Welfare Initiative for Better Societies

Tax & Fiscal
Justice Asia

ĐÃ ĐẾN LÚC

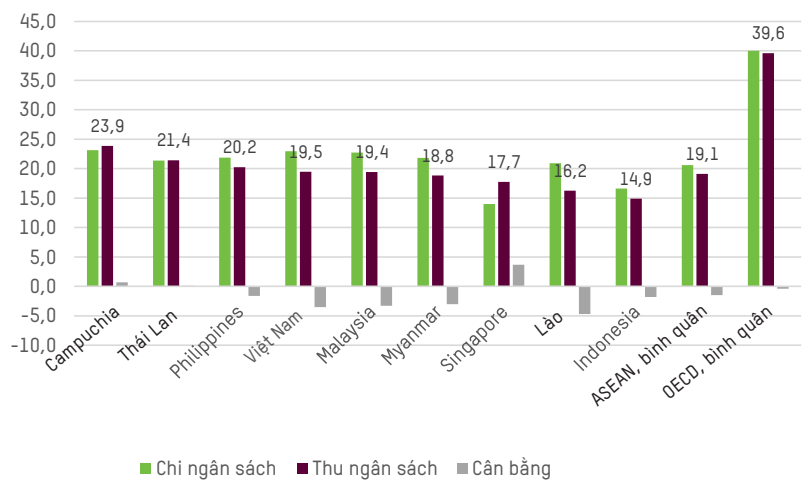
các nước thành viên ASEAN cần cùng hợp tác và đồng thuận về những tiêu chuẩn tối thiểu chung đối với ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong khu vực, nhằm ngăn chặn các thực hành thuế có hại đang ảnh hưởng tiêu cực tới các nguồn thu thiết yếu của ngân sách và tạo ra sự cạnh tranh không cần thiết giữa các nước thành viên, từ đó hướng tới mục tiêu chung xây dựng một ASEAN bền vững và tự cường.

BÁO CÁO TÓM TẮT

Khu vực ASEAN đang phải đối mặt với tình trạng bất bình đẳng kinh tế chưa từng có; trong khi đó, một số quốc gia thành viên vẫn có tỷ lệ nghèo ở mức cao nhất trên thế giới và chính phủ của hầu hết các nước chưa có sự đầu tư đúng mức vào các dịch vụ công thiết yếu. Hệ thống thuế lũy tiến và chi ngân sách cho các dịch vụ công thiết yếu như y tế, giáo dục, và an sinh xã hội là những biện pháp hiệu quả nhất để chống lại nghèo đói và giảm bất bình đẳng. Tuy nhiên, hầu hết chính phủ của các quốc gia trong khu vực ASEAN chưa đầu tư đúng mức vào những dịch vụ công thiết yếu này. Tại nhiều nước như Campuchia, Lào, Việt Nam, Malaysia và Myanmar, tình hình này đang khá nghiêm trọng khi Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cảnh báo rằng: nếu các nước này không thể gia tăng nguồn thu ngân sách trong những năm tới, các nước này sẽ không thể đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) mà các chính phủ đã cam kết.

Thực tế đáng lo ngại nhất là việc thiếu hụt ngân sách cho các khoản chi này diễn ra trong bối cảnh các quốc gia trong khu vực vẫn đang đối mặt với áp lực tài khóa. Hầu hết các nước thành viên ASEAN đều có mức thâm hụt ngân sách trong một thời gian dài. Malaysia, Myanmar, và Lào đều thâm hụt ngân sách trong tất cả các năm của giai đoạn 2000-2020 (21 năm). Việt Nam, Campuchia, Indonesia, và Philippines có từ 17 đến 20 năm thâm hụt ngân sách trong giai đoạn này. Chỉ tính riêng năm 2018, sáu quốc gia thành viên ASEAN có mức thâm hụt ngân sách lớn và một số quốc gia ghi nhận mức nợ công cao. Thâm hụt ngân sách trung bình của toàn khu vực ASEAN là 1,5% GDP năm 2018. Tình trạng thâm hụt ngân sách kéo dài và nợ công cao sẽ tiếp tục gia tăng đáng kể khi các nước tăng chi tiêu để giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế và y tế do đại dịch COVID-19 gây ra. Chín nước ASEAN dự kiến phải đối mặt với thâm hụt ngân sách với tỷ lệ trung bình 4,2% GDP năm 2020.¹

Các Chỉ tiêu Ngân sách Ước tính ở các nước ASEAN, 2018 (% GDP)²



¹ Dựa trên cơ sở dữ liệu Fiscal Monitor của IMF, không có dữ liệu ở Brunei để tính thâm hụt ngân sách.

² Các tính toán của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu Fiscal Monitor của IMF. Dữ liệu ở cấp chính phủ trung ương (general government). Không có dữ liệu cho Brunei.

Trong khu vực ASEAN, tỷ lệ thu ngân sách trên GDP thấp hơn đáng kể so với các nước OECD. Tỷ lệ trung bình ở ASEAN là 19,1% GDP năm 2018, chưa bằng một nửa so với mức trung bình ở các nước OECD và thấp hơn khu vực Mỹ Latinh và Caribe. Điều này dẫn đến khả năng đáp ứng hạn chế của ngân sách và tiếp tục gây ra thâm hụt ngân sách. Mức thâm hụt này tạo ra nhiều hệ lụy lớn cho khả năng đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ công, cơ sở hạ tầng, và quản trị tốt.

Trước COVID 19, tình hình ASEAN đã không bền vững. Hiện tại, tính bền vững ngày càng đáng báo động. Ước tính ban đầu từ OECD³ cho thấy những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 đến thu thuế. Hơn nữa, gánh nặng ngân sách tăng lên đáng kể trong bối cảnh các chính phủ nỗ lực triển khai các gói hỗ trợ để đối phó với đại dịch COVID-19. Ở các nước ASEAN, các khoản chi tiêu ngân sách dự kiến để đối phó với COVID-19 là rất lớn. Singapore và Thái Lan lần lượt chi khoảng 13% và 9% GDP cho các biện pháp kích thích tài khóa trên quy mô rộng, trong khi con số này ở Philippines, Indonesia và Việt Nam ước khoảng 3% GDP.⁴

Mặc dù các quốc gia thành viên ASEAN đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định trong nhiều thập kỷ, tuy nhiên hầu hết lại ghi nhận mức thu ngân sách tương đối thấp. Điều này là do trong khi phụ thuộc lớn vào nguồn thu từ thuế TNDN, các nước này đang dần mất đi các khoản thu ngân sách khổng lồ thông qua việc cung cấp ưu đãi thuế lớn cho cả nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Ảnh: Crunchy Frog/Oxfam tại Vietnam

³ OECD (2020), *Tax and Fiscal Policy in Response to the Coronavirus Crisis: Strengthening Confidence and Resilience*. https://read.oecd-ilibrary.org/view/?ref=128_128575-o6raktc0aa&title=Tax-and-Fiscal-Policy-in-Response-to-the-Coronavirus-Crisis.

⁴ Hayat, R. (2020), *How COVID-19 will impact ASEAN: Deep recessions and a weak recovery*. RaboResearch - Economic Research

Các tổ chức quốc tế đã nhiều lần cảnh báo các nước thành viên ASEAN cần ngừng áp dụng các ưu đãi thuế không cần thiết. Điều này là do giảm thu ngân sách do ưu đãi thuế TNDN, ước tính khoảng 6% GDP ở Campuchia và 1% GDP ở Việt Nam và Philippines.⁵ Những khoản thất thu này đã có thể được sử dụng để trang trải phần lớn chi tiêu ngân sách đối phó với đại dịch COVID-19 (ước tính chiếm 1/3 ngân sách chi cho các biện pháp giảm thiểu tác động của COVID-19 tại Việt Nam và Philippines).

Cạnh tranh Thuế giữa các Quốc gia ASEAN⁶

Cạnh tranh thuế giữa Philippines, Việt Nam, Thái Lan, và Indonesia đã và đang diễn ra; trong đó, bốn quốc gia này sử dụng ưu đãi thuế như một công cụ nhằm cạnh tranh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực sản xuất.

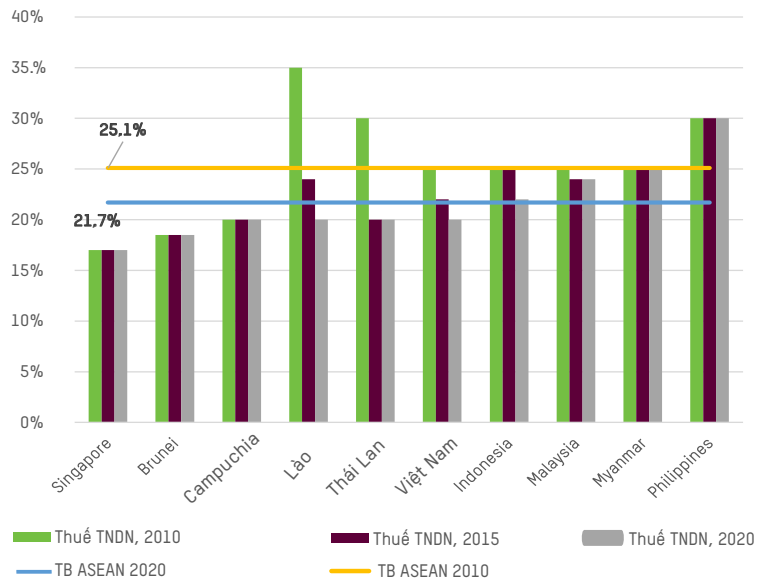
Năm 1996, nhằm thu hút khoản đầu tư của General Motors, Philippines đã đưa ra mức miễn thuế TNDN trong tám năm trong khi Thái Lan đưa ra điều kiện miễn trừ tương tự với một khoản bổ sung tương đương USD15 triệu. Ngoài ra, vào năm 2001, để thu hút Canon đầu tư vào nước mình, Việt Nam đã đề nghị miễn thuế TNDN trong 10 năm, nhưng sau đó Philippines đã cạnh tranh với Việt Nam bằng cách miễn thuế TNDN từ 8 đến 12 năm. Vào năm 2014, nhằm lôi kéo Samsung vào đầu tư, Indonesia đã áp dụng miễn thuế TNDN trong vòng 10 năm cho doanh nghiệp này trong khi Việt Nam đưa ra một khoản miễn thuế lên đến 15 năm.)

Cũng giống như nhiều khu vực khác trên thế giới, các nước thành viên ASEAN đang cạnh tranh với nhau trong một cuộc đua xuống đáy bằng cách hạ thấp mức thuế TNDN và liên tục đưa ra các ưu đãi thuế rất lớn đối với các nhà đầu tư. Trong mười năm qua, thuế suất trung bình thuế TNDN của khu vực đã giảm từ mức trung bình 25,1% năm 2010 xuống còn 21,7% năm 2020.

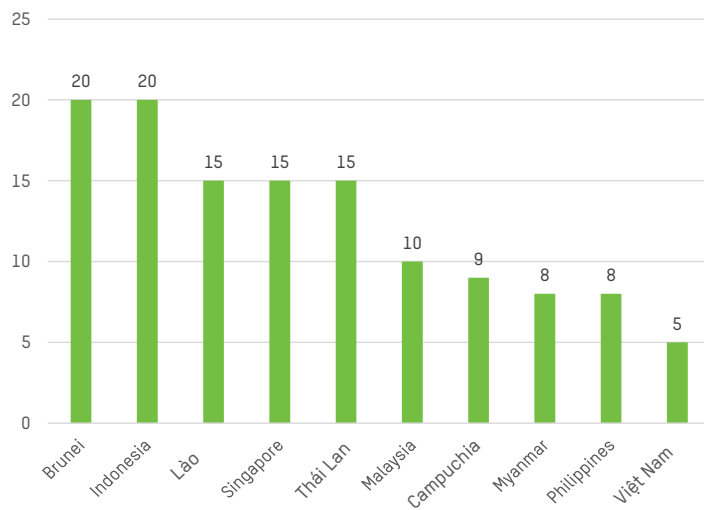
⁵ OECD (2019), *OECD Investment Policy Reviews: Southeast Asia*. www.oecd.org/investment/oecd-investment-policy-review-southeast-asia.htm.

⁶ Budiantoro, S. (2015), *Anticipating Tax War in the ASEAN Economic Integration Era*. PRAKARSA Policy Review, 2-4.

Thuế suất Thuế TNDN Phổ thông tại các Quốc gia ASEAN, 2020⁷



Thời gian Ân hạn Thuế tối đa tại các nước Thành viên ASEAN, 2020 (Số năm)⁸



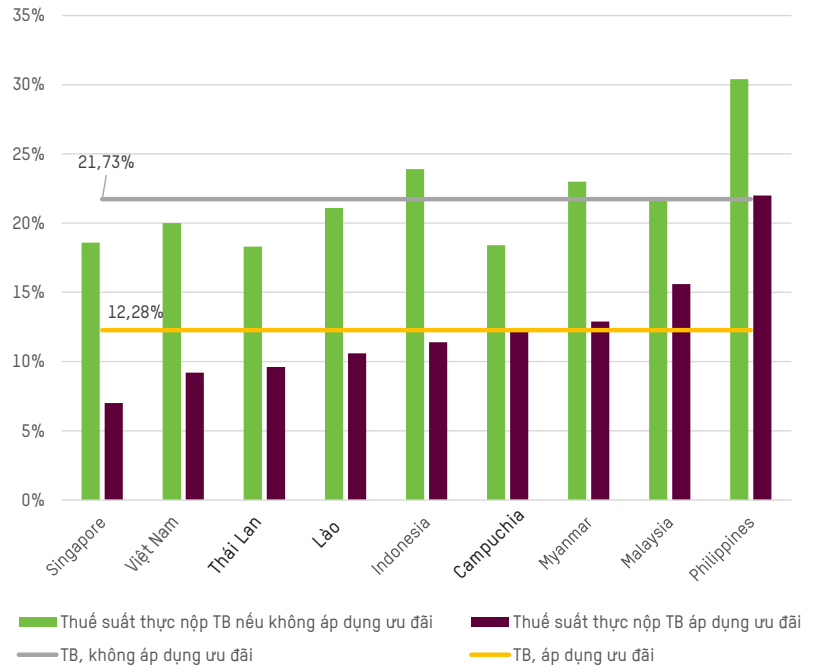
Với thực trạng một số nước thành viên áp dụng thời gian ân hạn thuế lên tới 20 năm và các ưu đãi lớn khác dựa trên lợi nhuận, mức thuế suất trung bình thuế TNDN thực nộp giảm 9,4 điểm phần trăm. Điều này khiến ASEAN trở thành một trong những khu vực có mức thuế TNDN thực nộp sau ưu đãi thuế thấp nhất trên thế giới. Cạnh tranh thuế và ưu đãi thuế trở thành mảnh đất màu mỡ cho các hành vi dịch chuyển lợi nhuận.⁹ Các quốc gia như Thái Lan, Indonesia, và Malaysia ước tính mất ít nhất từ 6-9 điểm phần trăm doanh thu thuế TNDN do hành vi chuyển lợi nhuận của các công ty đa quốc gia. Cuộc đua xuống đáy là một trò chơi mà tất cả các nước thành viên tham gia đều thua cuộc.

⁷ *Trading Economics (2020), List of Countries by Corporate Tax Rate.* <https://tradingeconomics.com/country-list/corporate-tax-rate> (Accessed 6 May 2020).

⁸ Nhóm tác giả tổng hợp từ các tài liệu pháp lý.

⁹ "Dịch chuyển lợi nhuận" nói về hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia dịch chuyển lợi nhuận của họ từ các quốc gia có mức thuế TNDN thực nộp sau ưu đãi cao sang các quốc gia có mức thuế thấp hơn để tránh thuế.

Thuế suất Thuế TNDN Thực nộp Trung bình (TB) khi Áp dụng và không Áp dụng Ưu đãi thuế tại các nước ASEAN, 2015 (%)¹⁰



Nếu các nước ASEAN thực sự mong muốn vượt qua các thách thức và phát triển bền vững như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng ngày càng gia tăng, và tỷ lệ nghèo cao, các nước này cần chấm dứt cuộc đua xuống đáy với những cam kết chính trị mạnh mẽ nhằm cải thiện việc huy động nguồn thu nội địa, điều càng đặc biệt quan trọng trong bối cảnh phục hồi kinh tế hậu COVID-19.

Không có bằng chứng thực nghiệm nào cho thấy ưu đãi thuế làm tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại ASEAN, thậm chí thực tế còn ngược lại.¹¹ Hầu hết các ưu đãi thuế TNDN hiện tại ở ASEAN không nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư dài hạn, mà thay vào đó được sử dụng để khóa lấp cho những yếu kém trong năng lực quản trị và cơ sở hạ tầng, và đáp ứng mong muốn ngắn hạn của các nhà đầu tư bằng cách cắt giảm thuế TNDN xuống mức tối thiểu. Bên cạnh đó, ưu đãi thuế thậm chí đã tạo ra môi trường đầu tư không công bằng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tại Việt Nam, thuế suất thuế TNDN thực nộp đối với các công ty có nguồn vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất là 8% trong năm 2016; tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp trong nước ở mức 14,5% và thậm chí hơn 16% đối với các doanh nghiệp nhà nước có quy mô vốn lớn.

¹⁰ Wiedemann, V. & Finke, K. (2015). Taxing investments in the Asia-Pacific region: The importance of cross-border taxation and tax incentives. ZEW Discussion Paper No. 15-014.

¹¹ James, S. (2014), Tax and non-tax incentives and investments: Evidence and Policy Implications. Investment Climate Advisory Services. World Bank Group.



Không giống như các khu vực khác, ASEAN chưa bao giờ thực hiện bất kỳ cam kết chính trị nào để chống lại cuộc đua xuống đáy về thuế TNDN. ASEAN và các nước thành viên cần thảo luận về vấn đề ưu đãi thuế ngay tại Hội nghị thượng đỉnh sắp tới, thiết lập tiến trình loại bỏ các ưu đãi thuế không cần thiết và tạo ra các quy định rõ ràng về ưu đãi thuế trong khu vực. Cuộc đua xuống đáy hiện tại làm gia tăng sự khác biệt về kinh tế - xã hội trong khu vực. ASEAN cần đảm bảo rằng các chính sách thuế trong khu vực phục vụ lợi ích chung và hướng tới môi trường tài khóa ổn định. Việc ứng phó với đại dịch COVID-19 cũng cho thấy hai vấn đề cấp bách đối với khu vực. Thứ nhất, các chính phủ cần có đủ nguồn lực để khôi phục một cách công bằng hơn cũng như đối phó với những cú sốc tiềm tàng trong tương lai. Thứ hai, sức mạnh của ASEAN chính là sức mạnh của cánh chim cuối đàn, chứ không phải từng cánh chim đơn lẻ.

Các nước ASEAN có sự khác biệt lớn về kinh tế vĩ mô và tình trạng này ngày càng trở nên trầm trọng bởi cuộc đua xuống đáy về ưu đãi thuế. Mỗi quốc gia theo đuổi lợi ích riêng của mình thông qua các chính sách tài khóa và có xu hướng cạnh tranh vì lợi ích của mình thay vì cùng nhau đưa ra quyết định chung, xây dựng một cơ chế chung vì lợi ích tập thể. Đây là thách thức lớn nhất đối với ASEAN trong việc đoàn kết để giải quyết các vấn đề phức tạp đang nổi lên trong khu vực, đặc biệt là vấn đề ưu đãi thuế TNDN. Trên hết, nếu ASEAN muốn duy trì sự gắn kết, các quốc gia thành viên cần phải hợp tác trên cơ sở đặt lợi ích chung của khu vực lên trên lợi ích quốc gia.

Ảnh: Tiara Audina / Oxfam

Chính vì vậy, báo cáo khuyến nghị ASEAN cần có các hành động sau để tăng cường hợp tác về thuế trong khu vực:

KHUYẾN NGHỊ 1: LẬP DANH SÁCH TRẮNG VÀ ĐEN VỀ ƯU ĐÃI THUẾ

ASEAN cần quy định các loại hình ưu đãi thuế không được phép sử dụng và đưa chúng vào danh sách đen, đồng thời đưa ra lộ trình loại bỏ những ưu đãi này trong khu vực với thời hạn nhất định. Đồng thời, ASEAN nên thống nhất một danh sách trắng quy định những ưu đãi thuế có thể được cho phép và chấp nhận áp dụng trong khu vực. Danh sách đen nên bao gồm các ưu đãi thuế dựa trên lợi nhuận, ví dụ: các ưu đãi thuế tạo ra mức thuế suất thấp cho lợi nhuận chịu thuế như ân hạn thuế, miễn thuế, chuyển lỗ, và thuế suất ưu đãi. Các học giả và tổ chức quốc tế như OECD đã kêu gọi các nước ASEAN bỏ các loại ưu đãi này do bản thân chúng có tác động tiêu cực đối với nền kinh tế trên nhiều mặt. Danh sách trắng nên bao gồm các ưu đãi thuế dựa trên đầu tư, đó là những ưu đãi loại ưu đãi tập trung vào hỗ trợ hoạt động đầu tư của doanh nghiệp. Những ưu đãi này được chứng minh có hiệu quả cao hơn nhiều so với ưu đãi dựa trên lợi nhuận; tuy nhiên, tính hiệu quả của chúng vẫn cần được giám sát để tránh các hành vi lạm dụng quá mức các khoản khấu trừ thuế, hoặc siêu tén dụng thuế.

Cần áp dụng một cơ chế khu vực giám sát các chính sách thuế và cùng đồng thuận những ưu đãi nào nên được liệt kê vào danh sách đen hoặc danh sách trắng. Cơ chế này cần minh bạch và có sự tham gia thực chất của đại diện của các chính phủ, chuyên gia quốc tế, tổ chức xã hội, và giới học thuật.

KHUYẾN NGHỊ 2: THIẾT LẬP MỨC THUẾ SUẤT TỐI THIỂU TRONG KHU VỰC ASEAN

ASEAN cần chặn dứt cuộc đua xuống đáy về ưu đãi thuế. Trong khi các nước trên thế giới đang xây dựng quy định về mức thuế suất tối thiểu toàn cầu, ASEAN nên thống nhất một cách tiếp cận chung trong khu vực. ASEAN cần thống nhất mức thuế TNDN thực nộp của từng nước không được thấp hơn mức thuế suất doanh nghiệp thực nộp tối thiểu của khu vực. Mức thuế suất thực nộp tối thiểu này nên được ASEAN thảo luận một cách kỹ lưỡng và nên quanh mức từ 12,5% đến 20%.¹² Bằng cách đó, ASEAN sẽ củng cố doanh thu thuế tại các quốc gia và ngăn chặn việc các nước thành viên xây dựng các chính sách có lợi cho nước mình nhưng lại có hại cho nước láng giềng.

KHUYẾN NGHỊ 3: HÌNH THÀNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ TỐT CÁC ƯU ĐÃI THUẾ

ASEAN cần thống nhất các quy định về quản trị tốt các ưu đãi thuế. Tất cả các ưu đãi thuế và các tiêu chí để được áp dụng nên được quy định trong một đạo luật tại một quốc gia, ví dụ luật thuế, luật doanh nghiệp, hoặc luật đầu tư, tùy vào đặc điểm lịch sử chính sách của từng quốc gia; tuy nhiên, phải đảm bảo rằng không có một ưu đãi thuế nào được áp dụng riêng lẻ cho một doanh nghiệp nào đó một cách tùy tiện. Trong mọi trường hợp, bất kỳ ưu đãi thuế nào cũng phải có một thời gian áp dụng rõ ràng và ngày kết thúc được quy định trong luật.

¹² Mức thuế suất này nên được thảo luận kỹ lưỡng giữa các nước ASEAN để thống nhất với cách tiếp cận toàn cầu về vấn đề này. Khoảng thuế suất mà báo cáo đề xuất nhằm cân bằng giữa thông lệ quốc tế và áp lực thiếu nguồn thu ngân sách mà các nước ASEAN đang phải đối mặt.

Cuối cùng, tất cả các quốc gia thành viên ASEAN nên công bố báo cáo chi qua thuế hàng năm một cách minh bạch, và công bố cùng với báo cáo ngân sách quốc gia hàng năm.

Nhằm hướng tới mục tiêu quản trị tốt và minh bạch, các quốc gia nên thực hiện đánh giá lợi ích và chi phí của các chính sách ưu đãi thuế như một điều kiện tiên quyết trước khi phê duyệt các ưu đãi thuế đó. Khi được chấp thuận áp dụng, cơ quan nhà nước (tốt nhất là cơ quan thuế) phải thường xuyên giám sát tác động của các ưu đãi thuế này bằng các cuộc đánh giá giữa kỳ để xem kết quả thực hiện có đáp ứng với kỳ vọng của chính sách hay không.

THỐNG KÊ QUAN TRỌNG VỀ ASEAN¹³

Đói nghèo và bất bình đẳng

- Năm 2018, ước tính 73,6 triệu (11,3%) trong số 653,9 triệu người sống trong nghèo đói.
- Bất bình đẳng kinh tế ở mức cao: Chỉ số bất bình đẳng (Gini) theo thu nhập của tất cả các quốc gia trong khu vực hơn 0,35 trong giai đoạn 2010-2017: Philippines (0,45); Malaysia (0,42); Singapore (0,40); Indonesia (0,39); Myanmar và Thái Lan (0,38); Campuchia (0,37); Lào và Việt Nam (0,36). Bất bình đẳng theo tài sản ở mức đáng báo động với chỉ số Gini là 0,85 ở Thái Lan và Lào; 0,84 ở Philippines và Indonesia; 0,82 ở Malaysia; 0,74 ở Việt Nam và 0,70 ở Campuchia.

Áp lực tài khóa

- Tỷ lệ thu ngân sách trên GDP trung bình ở mức 19,1% năm 2018, chưa bằng một nửa so với mức trung bình của các nước OECD và thấp hơn khu vực Mỹ Latinh và Caribe.
- Thu ngân sách từ thuế lũy thoái VAT chiếm tỷ trọng lớn: Tỷ lệ thu từ thuế VAT so với tổng thu ngân sách ở Việt Nam, Indonesia, Campuchia, và Lào lần lượt đạt 27%, 25%, 24% và 22%, cao hơn mức trung bình của OECD là 18%.
- Chỉ riêng năm 2018, sáu trong số chín quốc gia (trừ Brunei) có thâm hụt ngân sách lớn. Toàn khu vực ASEAN chứng kiến mức thâm hụt ngân sách trung bình khoảng 1,5% GDP năm 2018. Chín quốc gia dự kiến phải đối mặt với mức thâm hụt ngân sách trung bình 4,2% GDP năm 2020.
- Từ năm 2000 đến 2020, bảy quốc gia ASEAN chứng kiến thâm hụt ngân sách kéo dài trong 17-21 năm.
- Bốn quốc gia ASEAN gồm Singapore, Lào, Việt Nam, và Malaysia chịu áp lực rất lớn từ nợ công với tỷ lệ nợ công trên GDP trên 50% năm 2015.

¹³ Xem chi tiết về nguồn số liệu thống kê trong bài báo đầy đủ.

- Các quốc gia ASEAN đã không đầu tư đúng mức vào các dịch vụ công thiết yếu (y tế, giáo dục, và an sinh xã hội): trong khi chỉ tiêu trung bình cho các dịch vụ này của các nước OECD chiếm 63,0% tổng chi, tỷ lệ này ở ASEAN (33,6%) chỉ bằng hơn một nửa. Mức thấp nhất (18,7%) tại Myanmar, chỉ bằng 1/3 so với chỉ tiêu của OECD (Dữ liệu từ Chỉ số Cam kết Giảm Bất bình đẳng (CRII) 2018).
- Thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư vào dịch vụ công thiết yếu nhằm đạt được SDGs 2030: áp lực tài khóa nghiêm trọng (mức áp lực ngân sách tương đối >20%) ở Lào, Campuchia, và Myanmar và áp lực tài khóa trung bình (mức áp lực ngân sách tương đối 10-20%) tại Việt Nam and Malaysia.

Cuộc đua xuống đáy về thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế suất thuế TNDN giảm từ mức trung bình 25,1% năm 2010 xuống còn 21,7% năm 2020. Nếu tính đến các ưu đãi thuế, mức thuế suất thực nộp giảm trung bình 9,4 điểm phần trăm, khiến ASEAN trở thành một trong những khu vực có thuế TNDN thực nộp thấp nhất trên thế giới.
- Singapore đưa ra mức thuế TNDN thấp nhất khu vực ở mức 17% năm 2020, mức thuế suất thực nộp sau khi áp dụng ưu đãi thuế giảm 11,6 điểm phần trăm.
- Đối với ưu đãi thuế dựa trên lợi nhuận, các nước ASEAN áp dụng thời gian ân hạn thuế kéo dài từ 5 đến 20 năm, với mức trung bình là 12 năm; sử dụng ưu đãi thuế với mức giảm thuế TNDN từ 50 - 100%. Bốn quốc gia bao gồm Campuchia, Thái Lan, Indonesia, và Malaysia đưa ra mức thuế suất ưu đãi hấp dẫn nhất (100%).

Chi phí ưu đãi thuế TNDN

- Thất thu (chi qua thuế) do ưu đãi thuế TNDN ước tính khoảng 6% GDP ở Campuchia và 1% GDP tại Việt Nam và Philippines. Con số này ở Philippines và Việt Nam tương đương một phần ba nỗ lực tài khóa của họ để đối phó với đại dịch COVID-19.
- Chi qua thuế của Việt Nam từ ưu đãi thuế TNDN ước tính là USD2,7 tỷ năm 2016, tương đương 7% thu ngân sách nhà nước, 30% thu thuế TNDN, 5% tổng chi ngân sách nhà nước, và lớn hơn mức chỉ tiêu ngân sách cho y tế.
- Philippines thất thoát khoảng PHP12 nghìn tỷ (tương đương USD22,17 tỷ) do các ưu đãi thuế và miễn thuế cho một nhóm 3.150 công ty từ năm 2015 đến 2017.
- Thái Lan, Indonesia, và Malaysia ước tính mất ít nhất từ 6-9 điểm phần trăm doanh thu thuế TNDN do dịch chuyển lợi nhuận.
- Tại Việt Nam, mức thuế TNDN thực nộp đối với các công ty nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất là 8% năm 2016, nhưng đối với doanh nghiệp trong nước là 14,5% và thậm chí là hơn 16% đối với các doanh nghiệp nhà nước lớn.



Ảnh: Oxfam in Vietnam

Oxfam ủy nhiệm cho VEPR, PRAKARSA, và TAFJA thực hiện báo cáo này. Báo cáo là một phần trong loạt bài viết về các vấn đề liên quan đến chính sách phát triển. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng gửi email tới địa chỉ: thai.nguyenquang@oxfam.org. Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu muốn sao chép, tái sử dụng trong các ấn phẩm khác, dịch hoặc chỉnh sửa, phải được sự cho phép và trả phí, vui lòng liên hệ qua e-mail: huong.nguyenthuthu@oxfam.org.